

Số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2017

"*V/v Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Xê
2. Bà Trần Thị Ngọc Anh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 28/3/2017, bản tự khai ngày 28/4/2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L đều trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn M tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18/01/2016. Vợ chồng chung sống với nhau không hòa hợp do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Anh M không chịu khó làm ăn, ham chơi lêu lổng, không có mục đích xây dựng gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, khúc mắc dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ khi chị về sinh con và ở lại tại nhà bố mẹ đẻ của chị kể từ tháng 10/2016, còn anh M ở với gia đình bố mẹ anh. Hai bên không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tại chị L xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh M.

Con chung: Chị L trình bày có một con chung Trần Thảo N, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng.

Tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn M vắng mặt nhiều lần theo các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai của Tòa án được tổng đạt hợp lệ. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M cho thấy anh M hiện đang có mặt, làm ăn, sinh sống tại địa phương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi tại phiên toà;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/01/2016 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng bắt đầu chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, anh M không chịu khó làm ăn, không chú tâm xây dựng gia đình nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, va chạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Tòa án thông báo các phiên họp và phiên hòa giải, anh M đều vắng mặt, kể cả giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai được tổng đạt hợp lệ, chứng tỏ anh M không quan tâm bảo vệ hạnh phúc gia đình, không cần thiết hàn gắn tình cảm với chị L nữa. Mặt khác, chị L cũng xác định, từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh M không hề lui tới thăm hỏi vợ con lần nào cả nên giữa chị và anh M thực sự đã hết tình cảm, chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh M có một con chung Trần Thảo N, sinh ngày 14/12/2016, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con vẫn ở với chị L. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng. Tại phiên tòa anh M vắng mặt nên không thể hiện ý chí nguyện vọng của mình về con. Mặt khác, từ khi ly thân đến nay con đã ở với chị L ổn định và hiện nay con chỉ mới hơn 6 tháng tuổi. Do đó xét về nguyện vọng của chị L là chính đáng, phù hợp với pháp luật cần chấp nhận giao con cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo mức thu nhập trung bình của người lao động phổ thông tại địa phương là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ tài sản: Chị L, anh M không có tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trần Thị L và anh Trần Văn M được ly hôn nhau.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Thảo N, sinh ngày 14/12/2016. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 0000820 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy (chị L đã nộp đủ án phí). Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/7/2017, anh M được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã M (để biết);
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn